TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST.
Ngày 08/6/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hiến và ông Nguyễn Khương Duy.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khắc Quân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr; địa chỉ: Số V155 đường Lê B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Ngọc M và bà Mai Thị Tuyết Nh; cùng địa chỉ: Số 04 đường Bến H, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(Giấy ủy quyền ngày 04/4/2022)* - Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng; địa chỉ: Khu phố X2, phường Đông L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - Ông X có mặt, bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2019, biên bản hòa giải ngày 16/5/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2019, vợ chồng ông Võ Văn D, bà Nguyễn Thị Thùy Tr và vợ chồng ông Đào Thanh X, bà Trần Thị Minh Ng hai bên đã lập Hợp đồng vay tiền. Theo đó, ông D, bà Tr cho ông X, bà Ng vay số tiền 420.000.000 đồng, khi cho vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất.

Mục đích cho vay là nhằm đảm bảo việc hai bên tiến hành chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà ông X, bà Ng hiện đang ở sát phía sau nhà ông D, bà Tr. Do ông X, bà Ng đang trong quá trình làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên để tạo điều kiện cho ông X, bà Ng dễ dàng xử lý các vấn đề

liên quan nên ông D, bà Tr đã cho ông X, bà Ng vay số tiền trên. Hai bên cam kết bằng miệng là sau khi làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ chuyển nhượng cho ông D, bà Tr với giá 1.200.000.000 đồng, số tiền 420.000.000 đồng cho vay coi như là tiền trả trước, phần còn lại sẽ thanh toán khi lập hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, ông D, bà Tr tiếp tục cho ông X, bà Ng vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng 470.000.000 đồng.

Tuy nhiên, từ khi hết thời hạn cho vay là ngày 28/6/2019 đến nay, ông X và bà Ng không trả lại tiền vay và không thực hiện cam kết của mình. Vợ chồng ông D, bà Tr nhiều lần thúc giục ông X, bà Ng hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hai bên tiến hành ký kết và thực hiện việc chuyển nhượng, nhưng ông X, bà Ng đã cố tình chây ỳ không tiến hành và có ý không muốn chuyển nhượng cho ông D, bà Tr nữa.

Nay, ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng có nghĩa vụ trả nợ tiền vay và tiền lãi với tổng số tiền 592.010.000 đồng, trong đó:

Số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng (420.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 29/01/2019 và 50.000.000 đồng vay các lần sau).

Tiền lãi chỉ tính từ ngày 29/6/2019 đến 29/5/2022 là 35 tháng, với số tiền là 122.010.000 đồng (420.000.000 đồng x 0,83%/tháng, x 35 tháng = 122.010.000 đồng).

2. Tại Đơn xin trình bày đề ngày 23/4/2022, bị đơn ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng trình bày:

Vợ chồng chúng tôi có vay vợ chồng ông D và bà Tr số tiền 470.000.000 đồng, lý do vay là để lo cho con ra nước ngoài và có ý định bán mảnh đất mà ông, bà đang ở cho ông D, bà Tr; tại phiên hòa giải ngày 16/5/2022, ông Đào Thanh X cũng trình bày: Để lo cho con đi du học nước ngoài nên vợ chồng ông đã vay của vợ chồng ông D, bà Tr số tiền 420.000.000 đồng và sau đó vay thêm nhiều lần với số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đào Thanh X đồng ý trả toàn bộ khoản nợ tiền vay cho ông D, bà Tr là 470.000.000 đồng. Riêng tiền lãi, ông X chỉ đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị Minh Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông D, bà Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn ông X, bà Ng phải trả nợ tiền vay phát sinh từ hợp đồng vay tài sản, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

[3]. Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng có địa

chỉ cư trú tại: Khu phố X2, phường Đông L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr về việc yêu cầu bị đơn ông Đào Thanh X, bà Trần Thị Minh Ng phải trả nợ với số tiền 592.010.000 đồng, trong đó; nợ tiền gốc 470.000.000 đồng; nợ tiền lãi 122.010.000 đồng (420.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng = 122.010.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu trả nợ tiền gốc đã vay, căn cứ Hợp đồng vay tiền lập ngày 29/01/2019 cho thấy: Ngày 29/01/2019, ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr đã cho ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng vay số tiền 420.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 05 tháng, kể từ ngày 28/01/2019 đến ngày 28/6/2019 và tại mặt sau của Hợp đồng vay tiền lập ngày 29/01/2019 thể hiện, bà Trần Thị Minh Ng tiếp tục ký vay nợ thêm 03 lần của ông D, bà Tr với số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 07/3/2019 vay số tiền 5.000.000 đồng; ngày 17/3/2019 vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 26/6/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, ông D, bà Tr còn cho ông X, bà Ng vay thêm 10.000.000 đồng, không có ký nhận giấy tờ, tổng cộng 470.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông X và bà Ng đã thừa nhận, ông X, bà Ng có vay của ông D, bà Tr với tổng số tiền 470.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định, ông X và bà Ng đã vay của ông D, bà Tr tổng số tiền 470.000.000 đồng. Tuy nhiên, do quá thời hạn trả nợ và nhiều lần ông D, bà Tr yêu cầu ông X, bà Ng trả nợ nhưng ông X, bà Ng không trả. Vì vậy, ông D, bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông X, bà Ng phải trả nợ số tiền gốc đã vay với số tiền 470.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi thấy rằng: Ngày 29/01/2019, ông D, bà Tr đã cho ông X, bà Ng vay số tiền 420.000.000 đồng, khi cho vay hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay là 05 tháng, kể từ ngày 28/01/2019 đến ngày 28/6/2019, không có thỏa thuận về lãi suất cho vay. Nhưng khi đến thời hại trả nợ tiền vay, do ông X, bà Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo cam kết tại hợp đồng lập ngày 29/01/2019. Do đó, ông D, bà Tr yêu cầu ông X, bà Ng phải trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng tính từ ngày chậm trả 29/6/2019 đến ngày 29/5/2022 là 35 tháng trên số tiền chậm trả 420.000.000 đồng, tương ứng với số tiền 122.010.000 đồng (420.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 35 tháng = 122.010.000 đồng) là có căn cứ cần chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn ông Đào Thanh X đề nghị xem xét áp dụng tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng là không có sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền cần buộc ông X, bà Ng phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông D, bà Tr là 592.010.000 đồng; trong đó: Nợ tiền gốc 470.000.000 đồng, nợ tiền lãi 122.010.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay thêm 50.000.000 đồng, do ông D, bà Tr không yêu cầu ông X, bà Ng phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí:

- Nguyên đơn ông D, bà Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền 592.010.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn ông X, bà Ng là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 469, 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr, buộc bị đơn ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng phải trả nợ tiền vay cho ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr với tổng số tiền 592.010.000 đồng (Năm trăm chín mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng); trong đó: Nợ tiền gốc 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng), nợ tiền lãi 122.010.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Ông Đào Thanh X và bà Trần Thị Minh Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (do được miễn án phí theo quy định của pháp luật).

- Ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị Thùy Tr số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.983.000 đồng *(Mười ba triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000221 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DA.

Tạ Minh Khôi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Công Hiến **Nguyễn Khương Duy** **Tạ Minh Khôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thoan và ông Trần Đình Khương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", giữa:

- Nguyên Đơn: Ông Nguyễn Thanh Đình, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Minh (vợ ông Đình), sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số nhà 07 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Minh: Ông Nguyễn Thanh Đình, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 07 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo uỷ quyền *(Giấy ủy quyền lập ngày 26/6/2020)*.

- Bị Đơn: Bà Trần Thị Ngọc Mai, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 11 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc Mai: Ông Nguyễn Phương *(chồng bà Mai)*; địa chỉ: Số nhà 11 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn *(Giấy ủy quyền lập ngày 10/6/2020)*.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định: "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Đông Hà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[2]. Về quan điểm giải quyết:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh; Buộc bà Trần Thị Ngọc Mai phải trả nợ cho ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh tổng số tiền 1.724.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu đồng)*. Trong đó: Nợ tiền gốc 860.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi triệu đồng)*, nợ tiền lãi 864.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi bốn triệu đồng)*.

- Về chi phí giám định: Buộc bà Trần Thị Ngọc Mai hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh số tiền 7.650.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[3]. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Ngọc Mai phải chịu 63.720.000 đồng *(Sáu mươi ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.900.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/ 0008734 và 15.960.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0008730 ngày 11/9/2017 và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0009542 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[4]. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 45 phút, ngày 24 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tện dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thoan Trần Đình Khương Tạ Minh Khôi

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 64/PB-VKS-DS

Đông Hà, ngày 24 tháng 9 năm 2020

PHÁT BIỂU
Của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Điều 21, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hôm nay, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh

Địa chỉ: 07 Thái Phiên, khu phố 6, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Minh: Ông Nguyễn Thanh Đình (theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2020).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Ngọc Mai

Địa chỉ: 11 Thái Phiên, khu phố 6, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương; địa chỉ: khu phố 6, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (theo Giấy ủy quyền ngày 10/6/2020).

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

**** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

+ Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

+ Việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh; xác định bị đơn là bà Trần Thị Ngọc Mai là đúng theo Điều 68 BLTTDS.

+ Về thu thập chứng cứ: Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đối chất giữa các đương sự theo đúng quy định.

+ Về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được Thẩm phán tuân thủ các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS về thông báo, thành phần, trình tự tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thẩm phán cũng đã thông báo đầy đủ cho các đương sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

*** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:** Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, cụ thể:

- Nguyên tắc xét xử: Đúng theo Điều 225 Bộ luật Tố tụng dân sự (Xét xử trực tiếp bằng lời nói).

- Thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của hội đồng xét xử đúng theo Điều 11, 12, 14 BLTTDS gồm 01 thẩm phán và 02 Hội thẩm nhân dân.

- Thủ tục phiên tòa: Diễn ra đúng theo quy định của pháp luật.

*** Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa:** Tại phiên tòa hôm nay, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

- Chuẩn bị các công tác nghiệp vụ cần thiết trước khi khai mạc phiên tòa.

- Phổ biến nội quy phiên tòa.

- Kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập.

- Ghi biên bản phiên tòa đầy đủ.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

- Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể xác định:

Theo "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" ngày 27/6/2010 thì bà Trần Thị Ngọc Mai là "bên vay", ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh là "người nhận vay giúp" thỏa thuận nội dung: "*Bà Trần Thị Ngọc Mai đến nhờ ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh vay giúp số tiền: 1.110.000.000 đồng để kinh doanh, buôn bán. Lãi thanh toán hàng tháng khi đến hạn tính từ ngày vay là ngày 27/6/2010. Gốc trả trong vòng 02 tháng khoảng đến chậm nhất là 30/8/2010 sẽ thanh toán toàn bộ*". Việc lập giấy xác nhận nhờ vay tiền có chữ ký của bà Trần Thị

Ngọc Mai là người vay, ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh là người lập và bà Trần Thị Ngọc Ly là người làm chứng. (bút lục 02)

Xem xét "Giấy xác nhận nhờ vay tiền", tiêu đề "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" thể hiện việc các bên **xác nhận** với nhau việc bà Mai có nhờ vợ chồng ông Đình vay giúp số tiền 1.110.000.000 đồng. Trong giấy này có thỏa thuận nội dung "*Lãi thanh toán hàng tháng khi đến hạn tính từ* ***ngày vay là ngày 27/6/2010****. Gốc trả trong vòng 02 tháng khoảng đến chậm nhất là 30/8/2010 sẽ thanh toán toàn bộ*". Như vậy, các bên đã xác định ngày vay là ngày 27/6/2010 để bắt đầu tính lãi và ngày phải thanh toán nợ. Mặc dù, trong "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" không ghi rõ việc vợ chồng ông Đình đã giao 1.110.000.000 đồng cho bà Mai, tuy nhiên, nếu thực tế vợ chồng ông Đình chưa giao số tiền 1.110.000.000 đồng thì các bên đã không lập giấy xác nhận nhờ vay tiền, đồng thời không thể xác định ngày bắt đầu tính lãi và ngày phải thanh toán nợ như trên.

Đối với USB ghi âm, ghi hình đoạn đối thoại giữa bà Mai, ông Thắng (em ruột bà Mai) với vợ chồng ông Đình, theo Kết luận giám định số 47/C54-P6 ngày 23/4/2018 của Viện Khoa học Hình sự - Tổng cục cảnh sát đã kết luận: không phát hiện thấy dấu hiệu bị cắt ghép, biên tập, chỉnh chửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong các file cần giám định. Hình ảnh của người đàn ông và người phụ nữ xuất hiện trong video chính là của ông Đình, bà Mai (bút lục 234). Đoạn đối thoại đã được Tòa án trích xuất thể hiện: Khi ông Đình nói bà Mai còn nợ 1.110.000.000 đồng từ năm 2010 đến nay nhưng chưa trả gốc và lãi, đề nghị bà Mai trả nợ hoặc bán nhà nghỉ cho ông Đình để cấn nợ, còn chênh lệch bao nhiêu thì ông Đình sẽ trả cho bà Mai. Phía bà Mai không phản đối số nợ 1.110.000.000 đồng ông Đình đã nêu mà chỉ xin trả 250.000.000 đồng và xin xóa hết số nợ còn lại vì không đủ tiền để trả. Năm 2013 bà Mai dự định trả bớt cho ông Đình 700.000.000 đồng nếu bán nhà thành công với giá hơn 3.200.000.000 đồng nhưng sau đó giá nhà hạ nên không bán được. Bây giờ ông Đình không chấp nhận xóa số nợ còn lại thì cho bà Mai đi tù. (bút lục 271-274, 403a-403f)

Với nội dung đoạn đối thoại trên có cơ sở xác định, ngày 03/9/2014, giữa các bên đã trao đổi về số nợ 1.110.000.000 đồng và bà Mai có trả 250.000.000 đồng cho khoản nợ này, số còn lại bà Mai xin xóa nợ hết nhưng vợ chồng ông Đình không đồng ý. Điều này phù hợp với lời khai của ông Trần Ngọc Thắng tại Biên bản xác minh ngày 22/4/2015: Tôi được biết chị Mai có vay của ông Đình, bà Minh khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, vay ngày 27/6/2010, khoảng tháng 4 hoặc tháng 5/2014 chị Mai có đem theo 250.000.000 đồng và nhờ tôi đi cùng đến nhà ông Đình để trả nợ (bút lục 48).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Mai cho rằng số tiền 250.000.000 đồng là trả cho khoản vay khác, tuy nhiên, bà Mai không chứng minh được ngoài khoản vay 1.110.000.000 đồng thì giữa bà Mai và vợ chồng ông Đình còn khoản vay khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Mai đã có hành vi tẩu tán tài sản là nhà và diện tích đất 201m^2 tại khu phố 6, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị đứng tên hộ ông Phương (chồng bà Mai) nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với vợ chồng ông Đình theo như Bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà đã tuyên.

Xét thấy, việc lập "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" ngày 27/6/2010 giữa bà Mai với vợ chồng ông Đình bản chất là một hợp đồng vay tiền để chốt lại các khoản nợ trước đó với tổng số tiền là 1.110.000.000 đồng, ngày cho vay là 27/6/2010, hạn trả nợ là ngày 30/8/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Mai đã trả 250.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 860.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Mai phải trả số tiền gốc 860.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 9%/ năm từ ngày 30/8/2010 đến ngày 30/8/2020. Xét thấy, mức lãi suất này là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, từ ngày 30/8/2010 đến ngày 31/12/2016 áp dụng theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005, xét mức lãi suất 9%/ năm bằng với lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/8/2020 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất 9%/ năm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc quá hạn kể từ ngày 30/8/2010 đến ngày 30/8/2020 với mức lãi suất 9%/ năm của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán nợ quá hạn kể từ ngày 30/8/2010 cho đến ngày 30/8/2020, theo mức lãi suất 9%/ năm với số tiền là 864.000.000 đồng của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải hoàn trả số tiền chi phí giám định mà nguyên đơn đã nộp là 7.650.000 đồng. Căn cứ Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nghĩa vụ chịu chi phí giám định, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 7.650.000 đồng.

Từ những phân tích và đánh giá trên, căn cứ quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh.

Trên đây là ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đông Hà;
- Lưu: VT, HSKS.

KIỂM SÁT VIÊN

Lê Thùy Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Kính gửi: **Lãnh đạo đơn vị.**

Tôi là: Tạ Minh Khôi – Thẩm phán

Xin báo cáo đề xuất hướng giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, giữa:

- Nguyên Đơn: Ông Nguyễn Thanh Đình, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Minh (vợ ông Đình), sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số nhà 07 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Minh: Ông Nguyễn Thanh Đình, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 07 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 26/6/2020).

- Bị Đơn: Bà Trần Thị Ngọc Mai, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 11 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc Mai: Ông Nguyễn Phương; địa chỉ: Số nhà 11 đường Thái Phiên, khu phố 6, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh

Quảng Trị là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền lập ngày 10/6/2020).

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị Ngọc Ly, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 03 đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

+ Ông Trần Ngọc Thắng, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 87 đường Nguyễn Huệ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2017 và 27/11/2018 (thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 01/10/2014) và biên bản hòa giải ngày 14/7/2020 cũng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh trình bày:

Trong thời gian từ ngày 27/10/2008 cho đến ngày 27/5/2010, bà Trần Thị Ngọc Mai đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Đình bà Minh, mỗi lần vay đều có viết giấy vay tiền. Sau nhiều lần vay, bà Mai không trả nợ đúng hạn, các khoản vay chưa được đối chiếu chốt nợ, nên ngày 27/6/2010, giữa vợ chồng ông Đình bà Minh với bà Mai đã cùng thống nhất xác nhận tổng số tiền đã vay mà bà Mai còn phải trả cho vợ chồng ông Đình, bà Minh là 1.110.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm mười triệu đồng)*. Do nguồn gốc số tiền mà vợ chồng ông Đình, bà Minh cho bà Mai vay thực chất là số tiền vợ chồng ông Đình, bà Minh huy động vốn của bà con, người thân, anh chị em trong gia đình cho bà Mai vay lại (vay dùm cho bà Mai) để bà Mai hiểu và sớm trả nợ nên hai bên thống nhất viết "***Giấy xác nhận nhờ vay tiền***" cùng ngày 27/6/2010 với nội dung xác nhận số tiền mà bà Mai đã vay của vợ chồng ông Đình, bà Minh là 1.110.000.000 đồng và đồng thời thống nhất lại ngày vay tiền là ngày 27/6/2010 để tiếp tục tính lãi. Còn số tiền gốc 1.110.000.000 đồng phải trả đầy đủ chậm nhất là ngày 30/8/2010.

Tại thời điểm viết giấy xác nhận, thừa nhận trước đó bà Mai có vay của vợ chồng ông Đình, bà Minh số tiền 1.110.000.000 đồng, có sự chứng kiến của bà Trần Thị Ngọc Ly (em ruột bà Mai).

Khi đến hạn trả nợ theo cam kết tại "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" ngày 27/6/2010, vợ chồng ông Đình, bà Minh đã nhiều lần gặp bà Mai để đòi nợ, nhưng bà Mai cố tình lẩn tránh, chỉ nhắn tin qua điện thoại thể hiện trong 12 bản ảnh có trong hồ sơ vụ án. Mãi đến ngày 03/9/2014, bà Mai có trả cho vợ chồng ông Đình, bà Minh số tiền 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu)*. Số tiền nợ còn lại bà Mai xin xóa toàn bộ vì quá khó khăn về kinh tế, nhưng vợ chồng ông Đình, bà Minh không chấp nhận và bà Mai cũng không chịu trả cho vợ chồng ông Đình, bà Minh.

Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đình, bà Minh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc Mai phải trả số tiền vay nợ còn lại là 860.000.000 đồng *(Tám trăm sáu mươi triệu)* và tiền lãi chậm thanh toán nợ quá hạn kể từ ngày 30/8/2010 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 10%/năm và tiền chi phí giám định 7.650.000 đồng. Cụ thể:

Tiền lãi yêu cầu thanh tóa tạm tính đến ngày 30/8/2020 như sau:

Lãi mốc 1: Thời gian tính từ ngày 30/8/2010 đến 30/8/2014 trên số tiền gốc là 1.110.000.000 đồng; Số tiền lãi phải trả là: 444.000.000 đồng (1.110.000.000 đồng x 4 năm x 10%/năm = 444.000.000 đồng).

Lãi mốc 1: Thời gian tính từ ngày 30/8/2014 đến 30/8/2020 trên số tiền gốc là 860.000.000 đồng. Số tiền lãi phải trả là: 516.000.000 đồng (860.000.000 đồng x 6 năm x 10%/năm = 516.000.000 đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là: 1.820.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng).* Trong đó: Nợ tiền gốc: 860.000.000 đồng, nợ tiền lãi: 960.000.000 đồng.

2. Tại phiên hòa giải ngày 27/9/2018, ngày 14/7/2020 cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Phương trình bày: Bà Trần Thị Ngọc Mai không có vay tiền của ông Đình, bà Minh, nếu vay thì phải có giấy vay tiền. Giấy xác nhận nhờ vay tiền ngày 27/6/2010 là Giấy xác nhận nhờ vay tiền chứ không phải là giấy xác nhận nợ như ông Đình, bà Minh trình bày. Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc Mai không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đình, bà Minh.

II. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc Mai phải trả nợ theo "Giấy xác nhận nhờ vay tiền lập ngày 27/6/2010", còn bà Trần Thị Ngọc Mai cho rằng "Giấy xác nhận nhờ vay tiền lập ngày 27/6/2010" chỉ là Giấy xác nhận nhờ vay tiền, chứ không phải là giấy xác nhận nợ nên bà Mai không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đình, bà Minh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Đông Hà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Căn cứ "*Giấy xác nhận nhờ vay tiền lập ngày 27/6/2010*" cho thấy: Trong nội dung Giấy xác nhận nhờ vay tiền thể hiện, Bên vay là bà Trần Thị Ngọc Mai và người nhận vay giúp là ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh hai bên đã lập Giấy xác nhận nhờ vay tiền có thỏa thuận với các nội dung dung: *Bà Trần Thị Ngọc Mai đến nhờ ông Nguyễn Thanh Đình và bà Nguyễn Thị Minh vay giúp số tiền: 1.110.000.000 đồng (Một tỷ một trăm mười triệu đồng) để kinh doanh, buôn bán. Lãi thanh toán hàng tháng tính từ ngày vay là ngày 27/6/2010. Gốc trả trong vòng 02 tháng khoảng đến chậm nhất là 30/8/2010 sẽ thanh toán toàn bộ"*. Còn phần dưới của Giấy xác nhận nhờ vay tiền tiếp tục thể hiện nội dung: *Hai bên lập Giấy xác nhận có sự chứng kiến của bà ... để tiện việc thanh toán sau này.* Quá trình giải quyết vụ án đã xác định bà Trần Thị Ngọc Ly (em ruột bà Mai) chính là người ký vào Giấy xác nhận nhờ vay tiền lập ngày 27/6/2010. Như vậy, căn cứ toàn bộ vào nội dung của "Giấy xác nhận nhờ vay tiền lập ngày 27/6/2010" có đủ cơ sở khẳng định: Tại thời điểm lập Giấy xác nhận nhờ vay tiền thì vợ chồng ông Đình, bà Minh có vay dùm cho bà Mai số tiền 1.110.000.000 đồng và số tiền 1.110.000.000 đồng đã được vợ chồng ông Đình, bà Minh chuyển cho bà Mai vay lại.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2015, ông Trần Ngọc Thắng (em bà Mai) trình bày: Tôi được biết, chị Mai có vay của ông Đình, bà Minh khoảng hơn 1.000.000.000 đồng, **vay ngày 27/6/2010**, khoảng tháng 4 hoặc tháng 5/2014 chị Mai có đem theo 250.000.000 đồng và nhờ tôi đi cùng đến nhà ông Đình để trả nợ.

- Mặt khác, Tại USB ghi âm, ghi hình do vợ chồng ông Đình, bà Minh xuất trình, cung cấp cho Tòa án đã được Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu bị cắt ghép, biên tập, chỉnh sửa nội dung âm thanh, hình ảnh trong các fai cần giám định, hình ảnh của người đàn ông và người phụ nữ xuất hiện trong Video chính là ông Đình, bà Mai và nội dung hội thoại được thể hiện:

+ Khi ông Đình nói bà Mai còn nợ 1.110.000.000 đồng từ năm 2010 đến nay nhưng chưa trả gốc và lãi nên đề nghị bà Mai trả nợ hoặc bán nhà nghỉ cho ông Đình để cấn trừ nợ, còn chênh lệch bao nhiêu ông Đình sẽ trả bà Mai thì bà Mai không phản đối số nợ 1.110.000.000 đồng, mà chỉ xin trả 250.000.000 đồng và xin xóa hết số nợ còn lại vì không còn tiền để trả.

+ Khi bà Mai nói năm 2013 bà Mai dự định trả bớt cho ông Đình 700.000.000 đồng nếu bán nhà thành công với giá 3.200.000.000 đồng nhưng sau đó giá nhà hạ nên không bán được, bây giờ ông Đình không chấp nhận xóa nợ còn lại thì cho bà Mai đi tù, còn nhà nghỉ đã bán cho ông Thắng để lấy tiền trả nợ, nếu bán cho ông Đình thì chồng bà Mai sẽ không đồng ý, thì ông Thắng nói bà Mai mắc nợ người khác đều trả 1/3; bà Mai nói nếu bà Mai trả 250.000.000 đồng mà ông Đình xóa nợ còn lại thì bà Mai mới trả, còn không bà Mai không trả.

Từ những nhận định trên đủ căn cứ xác định: Việc ông Đình, bà Minh khởi kiện yêu cầu bà Mai phải có nghĩa vụ trả khoản nợ phát sinh từ "Giấy xác nhận nhờ vay tiền" lập ngày 27/6/2010 là có cơ sở. Căn cứ vào Giấy xác nhận nhờ vay tiền ngày 27/6/2010, thì ông Đình, bà Minh đã cho bà Mai vay với tổng số tiền 1.110.000.000 đồng, sau khi vay ngày vào ngày 03/9/2014 bà Mai đã trả số tiền 250.000.000 đồng. Do đó số tiền bà Mai còn nợ là 860.000.000 đồng cần buộc bà Mai phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Đình, bà Minh.

- Về tiền lãi chậm trả: Ông Đình, bà Minh yêu cầu bà Mai phải trả tiền lãi chậm thanh toán nợ quá hạn kể từ ngày 30/8/2010 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, xét thấy: Do bà Mai vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền nên ông Đình, bà Minh yêu cầu bà Mai phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ.

Về mức lãi suất: Ông Đình, bà Minh yêu cầu lãi suất 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, xét thấy mức lãi suất này không phù hợp với quy đinh tại Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo Giấy xác nhận nhờ vay tiền, tuy hai bên có thỏa thuận về tiền lãi, nhưng không thỏa thuận rõ về lãi suất, do dó cần áp dụng mức lãi suất cơ bản theo quy định tại Điều 305 của BLDS.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước công bố mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, đây là mức lãi suất cơ bản NHNN công bố lần cuối cùng nên cần áp dụng mức lãi suất 9%/năm để buộc bà Mai phải có nghĩa vụ trả lãi cho ông Đình, bà Minh tương ứng với thời gia chậm trả từ ngày 30/8/2010 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tương ứng với số tiền:

Lãi mốc 1: Thời gian tính từ ngày 30/8/2010 đến 30/8/2014 trên số tiền gốc

là 1.110.000.000 đồng; Số tiền lãi phải trả là: 399.600.000 đồng (1.110.000.000 đồng x 9%/năm x 4 năm = 399.600.000 đồng).

Lãi mốc 1: Thời gian tính từ ngày 30/8/2014 đến 30/8/2020 trên số tiền gốc là 860.000.000 đồng. Số tiền lãi phải trả là: 646.400.000 đồng (860.000.000 đồng x 6 năm x 9%/năm = 464.400.000 đồng).

Tổng cộng số tiền chấp nhân: 1.724.000.000 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc 860.000.000 đồng, nợ tiền lãi 864.000.000 đồng (399.600.000 đồng + 464.400.000 đồng = 864.000.000 đồng).

[3] Về chi phí giám định: Để đảm bảo cho yêu cầu khởi kiên, ông Đình, bà Minh đã chi phí toàn bộ cho việc giám định hết 7.650.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị đơn bà Mai phải hoàn lại chi phí giám định cho ông Đình, bà Minh.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ông Đình, bà Minh phải chịu án phí tương ứng với số tiền không được Tòa án chấp nhân là 96.000.000 đồng:

- Bà Mai phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.724.000.000 đồng,

III/ Với những quan điểm trên, đề xuất:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đình, bà Minh; Buộc bà Mai phải trả nợ cho ông Đình, bà Minh tổng số tiền 1.724.000.000 đồng, trong đó: Nợ tiền gốc 860.000.000 đồng, nợ tiền lãi 864.000.000 đồng (399.600.000 đồng + 464.400.000 đồng = 864.000.000 đồng).

2. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Mai hoàn lại cho ông Đình, bà Minh tổng số tiền 7.650.000 đồng.

4. Điều luật áp dụng: Điều 305, 471, 474 Bộ luật dân sự; năm 2005; khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 161, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Người đề xuất

Tạ Minh Khôi